

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 83/2019/HNGĐ-ST .

Ngày : 30-9-2019

V/v: “ *Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi.

2. Ông Trần Quốc Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 311/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng C – Sinh ngày 03/02/2001 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã V, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Bùi Thanh B – Sinh năm: 1996 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã V, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng C trình bày: Chị và anh Bùi Thanh B tự tìm hiểu quen biết nhau và chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Sau đó, chị về sống cùng với gia đình anh B thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu. Anh B không quan tâm gì đến chị, sống ích kỷ nhỏ nhặt. Nên chị quyết định trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Xét thấy bản thân chị không thể nào chấp nhận và bỏ qua việc vô trách nhiệm của anh B, chị yêu cầu được ly hôn anh B. Về con chung, chị và anh B có một con chung tên: Nguyễn Duy T, sinh ngày 21/10/2018. Hiện nay con do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con và buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Bùi Thanh B xác định, anh và chị C tự tìm hiểu quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn là đúng. Nhưng chị C cho rằng anh không trách nhiệm, sống ích kỷ là không đúng. Bản thân anh chỉ thú làm ăn, lo lắng cho vợ con nhưng nay chị C kiên quyết xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung, anh xác định anh và chị C có một con chung tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 21/10/2018. Do con còn nhỏ, anh đồng ý giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng nhưng anh không cấp dưỡng. Nếu chị C nuôi không nổi thì giao con lại cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng C khởi kiện xin ly hôn yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con với anh Bùi Thanh B nên đây được xem là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh B có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện G nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

Anh Bùi Thanh B với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện G đã triệu tập hợp lệ anh B đến tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh B có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện G tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh B là hoàn toàn phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án :

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng C và anh Bùi Thanh B tự tìm hiểu quen biết và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị C có yêu cầu được ly hôn anh B, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Hồng C và anh Bùi Thanh B là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị C, anh B cùng xác định anh chị có một con chung tên Nguyễn Duy T, sinh ngày 21/10/2018. Hiện cháu T do chị C nuôi dưỡng. Chị C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu được quyền nuôi con của chị C đã được anh B đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa anh chị. Riêng về mức cấp dưỡng nuôi con chị C yêu cầu anh B thực hiện theo quy định của pháp luật. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ *Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Nên cháu Tân đã được anh B chị C xác định là con chung của anh chị và đã thỏa thuận giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng thì anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, việc anh B từ chối nghĩa vụ cấp dưỡng là không có cơ sở chấp nhận. Trên cơ sở ý kiến của chị C về việc buộc anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là có căn cứ, cần chấp nhận. Bởi lẽ, anh B không có nghề nghiệp, mức thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng nuôi con được áp theo mức lương

cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là 1.490.000 đồng và mức cấp dưỡng không được quá $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở. Hội đồng xét xử thống nhất buộc anh B cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Duy T mỗi tháng là 745.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh B có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị C, anh B cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị C phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 06379 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Do anh B buộc phải cấp dưỡng nuôi con nên anh B phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Hồng C và anh Bùi Thanh B là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa anh Bùi Thanh B và chị Nguyễn Thị Hồng C. Anh B giao cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 21/10/2018 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh B cấp dưỡng nuôi cháu Tân mỗi tháng là 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu Tân đủ 18 tuổi. Anh B có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai được cản trở

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 6379 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G. Chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Buộc anh Bùi Thanh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày; Chị C được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 30-9-2019); Anh B được tính kể từ ngày nhận được cấp tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ